

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
**Phê duyệt Dự án đầu tư hệ thống thoát nước
đường 513 - Khu kinh tế Nghi Sơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH4 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc Quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư hệ thống thoát nước đường 513 - Khu kinh tế Nghi Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2747/SXD-HĐXD ngày 22/4/2022 về việc Phê duyệt Dự án đầu tư hệ thống thoát nước đường 513 - Khu kinh tế Nghi Sơn; kèm theo hồ sơ và Tờ trình số 26/TTr-BQLDAKV ngày 01/4/2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư hệ thống thoát nước đường 513 - Khu kinh tế Nghi Sơn với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Đầu tư hệ thống thoát nước đường 513 - Khu kinh tế Nghi Sơn.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

3. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp Thanh Hóa.

4. Địa điểm xây dựng: Thuộc địa giới hành chính các phường: Mai Lâm, Tĩnh Hải và xã Hải Yên, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

5. Diện tích đất sử dụng: Khoảng 2,1ha.

6. Loại, nhóm dự án, cấp công trình, thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: Nhóm B; Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV; Thời hạn sử dụng công trình 20 năm.

7. Tổ chức tư vấn lập dự án: Liên danh Công ty CP tư vấn xây dựng và thương mại Đại Việt - Tổng công ty CP tư vấn xây dựng giao thông Thanh Hóa.

8. Đơn vị thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Thăng Long.

9. Mục tiêu đầu tư: Để thoát nước lưu vực núi Chuột Chù, giải quyết tình trạng ngập úng cục bộ khi mưa cho đoạn tuyến trước Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn; tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa, sản phẩm từ các nhà máy trong khu công nghiệp như nhà máy lọc hóa dầu, nhà máy luyện kim, nhà máy xi măng...; từng bước hoàn thiện hạ tầng mạng lưới giao thông, phục vụ nhu cầu đi lại của Nhân dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực.

10. Quy mô đầu tư: Xây dựng hệ thống thoát nước đường 513 - Khu kinh tế Nghi Sơn dài khoảng 3,4km kênh hộp thoát nước phải tuyến, rãnh thu nước mặt và sửa chữa cục bộ mặt đường bê tông nhựa.

11. Giải pháp thiết kế chủ yếu

11.1. Hệ thống kênh thoát nước:

11.1.1. Kênh thoát nước:

Xây dựng mới khoảng 3,4km kênh hộp thoát nước bằng bê tông cốt thép có kích thước $B \times H = (1,0 \times 1,0) \div (3,5 \times 3,0)$ căn cứ theo kết quả tính toán thủy văn, thủy lực kênh hộp.

* Hướng tuyến kênh:

- Điểm đầu Km3+656.10 trước cổng Lọc hóa dầu Nghi Sơn, thuộc địa phận phường Mai Lâm, thị xã Nghi Sơn.

- Điểm cuối Km7+124.00 trước Đồn Công an Nghi Sơn, thuộc địa phận phường Hải Yên, thị xã Nghi Sơn.

* Thiết kế mặt cắt dọc kênh hộp: Trên cơ sở thiết kế phù hợp với địa hình tự nhiên, đảm bảo thu nước lưu vực của núi Chuột Chù; đảm bảo đạt được lớn nhất độ dốc thoát nước của kênh hộp, giảm thiểu tình trạng lắng đọng, bùn đất trên kênh và tăng khả năng thoát nước cho kênh. Cao độ các khu dân cư, doanh

nghiệp hiện hữu, phù hợp với khẩu độ kênh cho từng đoạn tính toán.

* Cấu tạo kênh:

- Kênh hộp hở có kích thước BxH = (1,0x1,0) ÷ (3,5x3,0) bằng BTCT 25Mpa đổ tại chỗ; đỉnh thành kênh bố trí các thanh giằng bằng BTCT 25Mpa đúc sẵn, bố trí khe lún dọc theo chiều dài kênh, khoảng cách cho 1 khe lún là 11,8m, tại đó có 02 lớp giấy dầu tấm nhựa đường. Đắp hoàn thiện và bờ kênh bằng đất, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật $K \geq 0,90$.

- Móng cống đặt trên lớp bê tông lót móng 10Mpa dày 10cm.

- Đối với đoạn kênh giao cắt với đường ngang hiện trạng, các lối vào doanh nghiệp, thiết kế kênh hộp kín bằng BTCT 25Mpa đổ tại chỗ, khẩu độ phù hợp với khẩu độ tính toán, chiều dài đảm bảo phù hợp với đường giao cắt.

- Đối với đoạn kênh giao cắt qua đường ống dẫn xăng dầu của PVOIL Nghi Sơn tại Km5+462.00m/ĐT513, thiết kế đoạn kênh hộp bằng BTCT 25Mpa kích thước BxH=3,5x2,0m dài 10m vượt trên đường ống dẫn dầu, hai đầu kênh được kê trên xà mũ đặt trên nền móng cọc ép BTCT KT25x25cm, xà mũ, cọc ép bằng BCTC 25Mpa, chiều dài cọc dự kiến Ldk=6,0m.

* Đầu nối điểm xả thoát nước:

Toàn bộ nước lưu vực thu về kênh hộp chảy về cuối tuyến và tiêu thoát nước qua cống hộp hiện trạng tại Km7+147.49 lý trình đường 513 kích thước $2 \times (B \times H) = 2 \times (3,8 \times 2,6)m$ và chảy thoát ra biển.

11.1.2. Hệ thống rãnh dọc, hố thu nước mặt đường:

Sửa chữa, nạo vét rãnh thu, hố thu và mương thoát nước đảm bảo thoát nước tốt khi có mưa lớn. Tổng các vị trí sửa chữa, thay thế là 79 vị trí (Bắt đầu từ lý trình Km3+820.96 kết thúc tại lý trình Km7+089.00).

11.2. Mặt đường bê tông nhựa, hệ thống an toàn giao thông

11.2.1. Mặt đường bê tông nhựa:

- Đoạn từ Km3+868.22 – Km4+100; Km7+0.00 – Km7+226.30 (hai bên tuyến); đoạn từ Km4+160 – Km4+800; Km6+300 – Km6+900 (bên trái tuyến) mặt đường bị lún hằn lún vệt bánh: Cất tạo nhám mặt đường, tưới nhựa dính bám và bù phụ lại bằng BTN C19, khôi phục tăng cường mặt đường bê tông nhựa bằng BTNC19 dày 5cm.

- Đoạn từ Km4+160 – Km4+800; Km6+300 – Km6+900 (bên phải tuyến) mặt đường bị lún lóm cục bộ: Tạo nhám mặt đường, tưới nhựa dính bám và bù phụ lại bằng BTNC19.

- Kết cấu áo đường loại 1 (áp dụng cho mặt đường hằn lún vệt bánh xe): Bù phụ lún lồm bằng BTNC19. Thảm tăng cường lớp BTNC19 dày 5cm.

- Kết cấu áo đường loại 1 (áp dụng cho mặt đường lún lồm cục bộ): Bù

phụ lún lồm bằng BTNC19.

11.2.2. Hệ thống an toàn giao thông:

Hệ thống cọc tiêu biển báo cấm theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41-2019/BGTVT:

- Biển báo: Thiết kế sơn và bổ sung các cột biển báo bị hư hỏng, bong tróc sơn.

- Vạch sơn: Trên tuyến bố trí sơn lại vạch sơn tim đường, sơn gờ giảm tốc theo QCVN 41-2019/BGTVT

12. Số bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

13. Tổng mức đầu tư: 99.300.000.000; trong đó:

- Chi phí GPMB:	13.959.777.000	đồng;
- Chi phí xây dựng:	70.671.446.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	1.308.574.000	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	3.780.271.000	đồng;
- Chi phí khác:	870.502.000	đồng;
- Dự phòng:	8.709.430.000	đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo).

14. Nguồn vốn: Vốn ngân sách Trung ương là 90 tỷ đồng, vốn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác là 9,3 tỷ đồng.

15. Hình thức quản lý dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp Thanh Hóa (theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ).

16. Thời gian thực hiện: Năm 2022 - 2025.

17. Phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư

- Phạm vi giải phóng mặt bằng: Phù hợp với quy mô và tuân thủ quy định của pháp luật.

- Phương án tổ chức thực hiện: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp Thanh Hóa có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình; trong quá trình triển khai bước tiếp theo, xin ý kiến của Sở Giao thông vận tải, Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp về giải pháp thiết kế công trình; đồng thời báo

cáo cấp có thẩm quyền về việc giao UBND thị xã Nghi Sơn làm Chủ đầu tư Tiểu dự án giải phóng mặt bằng và tái định cư (nếu cần).

2. UBND thị xã Nghi Sơn có trách nhiệm tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải; Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp; Chủ tịch UBND thị xã Nghi Sơn; Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp Thanh Hóa; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.(M1d68)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

Phụ biểu: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án đầu tư hệ thống thoát nước đường 513 - Khu kinh tế Nghi Sơn

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Stt	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Tỷ lệ	Chi phí trước thuế	Thuế VAT	Chi phí sau thuế
I	Chi phí GPMB	Ggpm				13.959.777.000
II	Chi phí xây dựng	Gxd		64.812.971.000	5.858.475.000	70.671.446.000
III	Chi phí quản lý dự án	Gqlđ	2,019%	1.308.573.884	-	1.308.574.000
IV	Chi phí tư vấn ĐTXD	Gtv		3.592.428.600	187.840.990	3.780.271.000
1	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát bước lập BCNCKT			4.395.000	-	4.395.000
2	Chi phí giám sát khảo sát bước lập BCNCKT			5.965.000	-	5.965.000
3	Chi phí khảo sát bước lập BCNCKT			146.492.727	14.649.273	161.142.000
4	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi			303.518.182	30.351.818	333.870.000
5	Chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi		0,109%	70.646.138	7.064.614	77.711.000
6	Chi phí thiết kế, cắm cọc GPMB và MLG			185.185.185	14.814.815	200.000.000
7	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát bước BVTC		3,000%	4.166.667	-	4.167.000
8	Chi phí giám sát khảo sát bước BVTC		4,072%	5.655.556	-	5.656.000
9	Chi phí khảo sát bước lập BVTC	Gks		138.888.889	11.111.111	150.000.000
10	Chi phí thiết kế BVTC và dự toán		1,449%	939.139.950	75.131.196	1.014.271.000
11	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng		0,123%	79.719.954	6.377.596	86.098.000
12	Chi phí thẩm tra dự toán công trình		0,118%	76.479.306	6.118.344	82.598.000
13	Chi phí lập giấy phép môi trường			277.777.778	22.222.222	300.000.000
14	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu khảo sát, thiết kế BVTC		0,200%	2.156.058	-	2.156.000

Stt	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Tỷ lệ	Chi phí trước thuế	Thuế VAT	Chi phí sau thuế
15	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu xây lắp			100.000.000	-	100.000.000
16	Chi phí giám sát thi công xây dựng		1,829%	1.185.429.240	-	1.185.429.000
17	Phí thẩm định HSMT, KQLCNT gói thầu khảo sát, thiết kế BVTC		0,100%	2.000.000	-	2.000.000
18	Phí thẩm định HSMT, KQLCNT gói thầu xây lắp		0,100%	64.812.971	-	64.813.000
V	Chi phí khác	Gk		812.180.395	58.320.741	870.502.000
1	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng		0,016%	8.117.775	-	8.118.000
2	Chi phí kiểm toán		0,346%	343.578.000	34.357.800	377.936.000
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán		0,226%	112.209.000	-	112.209.000
4	Chi phí bảo hiểm công trình		0,250%	162.032.428	16.203.243	178.236.000
5	Chi phí đảm bảo an toàn giao thông phục vụ thi công			96.243.192	7.759.698	104.003.000
6	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu xây dựng			50.000.000	-	50.000.000
7	Chi phí thỏa thuận đấu nối thoát nước			20.000.000	-	20.000.000
8	Chi phí thỏa thuận cắt đường, HTKT hiện trạng			20.000.000	-	20.000.000
VI	Chi phí dự phòng	Gdp				8.709.430.000
1	Yếu tố khối lượng phát sinh	Gdp1	6,85%			6.209.130.268
2	Yếu tố trượt giá	Gdp2	2,76%			2.500.299.732
	Tổng mức đầu tư					99.300.000.000

(Chi tiết tại hồ sơ dự án đầu tư xây dựng kèm theo)./.